

Bản án số: 59/2018/HS-ST

Ngày : 18/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Khánh.

2. Bà Đỗ Thu Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/HSST ngày 01/2/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HS ngày 06/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/HSST-QĐ ngày 06/4/2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN QUỐC Q, sinh năm 1993 tại Hà Nội. Nơi ĐKNKTT: Phường Đ, quận C, Thành phố Hà Nội; Trú tại: Phố K, phường K, quận B, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc T và bà Phương Thị M; nhân thân: 01 tiền án.

Bản án số 216/2016/HSST ngày 08/6/2016, Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hà Nội xử miễn trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản án số 855/2016/HSPT ngày 15/8/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội y án sơ thẩm.

Bắt khẩn cấp ngày 23/6/2017. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Hà Nội. Có mặt.

2. TRẦN VĂN D, sinh năm 1994 tại tỉnh Hải Dương. ĐKHKTT: Thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc:

Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Đặng Thị M; tiền án, tiền sự: không.

Bắt khẩn cấp ngày 23/6/2017. Ngày 26/6/2017 Cơ quan điều tra – Công an quận Cầu Giấy hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Hiện áp dụng Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. THÁI THỊ Y, sinh năm 1993 tại tỉnh Nghệ An. ĐKHKT: xã P, huyện S, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Doãn H và bà Trần Thị M; tiền án, tiền sự: không.

Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1982.

ĐKNKT: Phường Q, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Đình C, sinh năm 1993.

ĐKHKT: Xã K, huyện B, tỉnh Hải Dương. (Vắng mặt)

3. Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1990

HKT: Xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Trú tại: phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

- Người làm chứng:

Ông P, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2016, Nguyễn Quốc Q và Trần Văn D quen biết nhau. Đến khoảng tháng 02/017, Q quen biết gái bán dâm Nguyễn Thị Lệ T và thỏa thuận với T: Q thuê người chụp ảnh khỏa thân của T để đăng ảnh, bài viết, số điện thoại trên mạng Internet mục đích giới thiệu việc bán dâm, tiền bán dâm chia đôi. Ngày 08/2/2017, Q thuê thợ chụp ảnh là Phạm Văn L đến khách sạn B, địa chỉ số 9, ngõ 118, phố T, phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội chụp ảnh khỏa thân cho T. Sau khi chụp ảnh, Q lưu vào máy tính xách tay hiệu Toshiba của mình. Sau đó, Q thuê Trần Văn D đến phòng của Q và T thuê tại nhà nghỉ A, địa chỉ số 1, ngách 4, ngõ 48, phố T, phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội viết bài đăng quảng cáo trên mạng Internet cho Thủy đi bán dâm cho khách. Tại đây, D tạo 02 tài khoản “N” mật khẩu “1110” và “C” mật khẩu “1110” trên trang web “C” dùng nghệ danh cho T là “V”, giá bán dâm là 300.000 đồng, số điện thoại liên hệ là 0967689xxx (số máy này do Q

trực tiếp quản lý). Q trả tiền công cho D là 1.500.000 đồng. Khi có khách mua dâm liên hệ thì Q điều hành, thỏa thuận giá và hướng dẫn khách mua dâm đến nhà nghỉ H, địa chỉ số 2, ngõ 118, phố T, phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội hoặc khách sạn B thuê phòng, sau đó sẽ nhắn tin số phòng để Q liên hệ gọi T đến bán dâm. Sau khi bán dâm, T trực tiếp thu tiền của khách và cuối ngày sẽ đem về nhà nghỉ chia cho Q theo thỏa thuận. Với phương thức thủ đoạn trên, ngày 21/6/2017, Q đã môi giới cho T đi bán dâm tại nhà nghỉ H, cụ thể như sau:

Khoảng 21h30' ngày 21/6/2017, Nguyễn Đình B truy cập vào V "C" thấy có bài viết quảng cáo gái bán dâm có nghệ danh là "V" (tức Nguyễn Thị Lệ T) bán dâm với giá 300.000 đồng/lượt, số điện thoại liên hệ là 0967 689 xxx. Khi đó, B dùng số điện thoại 0973545xxx gọi vào số điện thoại 0967 689 xxx để liên hệ mua dâm. Lúc này, Q cùng D và Thái Thị Y đang ở phòng trọ số 24, ngõ 290, phố K, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Khi có điện thoại, Q biết là có khách mua dâm gọi nên bảo Y trả lời điện thoại, hướng dẫn B đến nhà nghỉ H tại số 2, ngõ 118, phố T thuê phòng rồi báo lại số phòng để Q điều T đến bán dâm. Sau đó, B đến nhà nghỉ H gặp anh Đặng Văn N đang đứng quầy lễ tân, B thuê phòng 202 rồi gọi điện thoại lại, Y tiếp tục nghe điện của B và thông báo cho Q biết. Sau đó, Q dùng điện thoại số 0166 762 5xxx gọi đến số 0160 909 8xxx cho T báo đến phòng 202 nhà nghỉ H bán dâm cho B. Sau đó, T cho B số điện thoại di động của T, B trả tiền mua dâm với T là 300.000 đồng, số tiền này T đã chia cho Q 150.000 đồng là tiền công môi giới.

Buổi trưa ngày 22/6/2017, B ngồi uống nước cùng bạn là Nguyễn Hoàng L và có khoe với L việc ngày 21/6/2017 sau khi B mua dâm của một gái bán dâm tên T tại nhà nghỉ tại đường T thì B được V (tức T) cho số điện thoại để liên lạc khi cần mua dâm, B đã lấy số điện thoại của V cho L xem và L nhớ được số điện thoại. Khoảng 14h ngày 22/6/2017, L có nhu cầu mua dâm nên đã dùng điện thoại số 0168 6277xxx tự gọi đến số 01699098xxx, T nhận cuộc gọi và hẹn L đến nhà nghỉ H để mua bán dâm với giá 300.000 đồng. Sau đó, L đến nhà nghỉ H thuê phòng 104 rồi nhắn tin số phòng cho T. Đến 14h30' cùng ngày, T đến bán dâm, khi L và T đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị tổ công tác Công an quận C kiểm tra hành chính phát hiện đưa về trụ sở để làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Quốc Q và Trần Văn D khai nhận hành vi như đã nêu trên. Nguyễn Quốc Q còn khai nhận: Q thuê đối tượng Phạm Văn L chụp ảnh 04 gái mại dâm khác (không xác định được nhân thân, lai lịch). Sau đó, D đã viết bài, đăng ảnh và cùng số điện thoại liên lạc lên trang web "C" để khách mua dâm liên hệ với Q và Q điều gái đến bán dâm cho khách. Q khai do số gái mại dâm này không tiếp tục bán dâm theo sự môi giới của Q và không để lại địa chỉ, số điện thoại liên lạc nên Q đã không môi giới được cho số gái mại dâm này.

Thái Thị Y khai nhận: Ngày 20/6/2017, Y từ Nghệ An ra Hà Nội để gặp Q nhờ xin việc và ở tại phòng trọ của Q, Y biết Q thực hiện việc môi giới mại dâm cho gái bán dâm. Khi có khách mua dâm gọi đến, Q bảo Y nghe điện thoại và trả lời khách, hướng dẫn khách đến nhà nghỉ H ngõ 118, phố T hoặc khách sạn B rồi nhắn tin lại số phòng để Q điều gái bán dâm. Do Y mới ra Hà Nội không nhớ đường nên Q đã

phải ghi ra tấm bảng có nội dung “ngõ 118 phố T nhà nghỉ H; khách sạn B; trước 12h 3 triệu, sau 12h 1,5 triệu”. Ngày 21/6/2017, Y đã 03 lần nghe điện thoại của khách mua dâm để Q điều gái mại dâm Nguyễn Thị Lệ T đến bán dâm cho khách. Y chỉ được Q cho ăn ở cùng tại số 24, ngõ 290, phố K, quận Đ, Hà Nội. Bản thân Y không được Q chia tiền công môi giới.

Đối tượng Phạm Văn L khai nhận: Ngày 08/2/2017, L được Q thuê chụp ảnh khỏa thân cho chị Nguyễn Thị Lệ T. Sau đó, L đã đến phòng Vip 7 khách sạn B. Tại đây, L dùng máy chụp ảnh hiệu Canon D30 chụp ảnh khỏa thân cho T rồi chỉnh sửa ảnh, gửi hình ảnh qua Messenger cho Q. L được T trả tiền công chụp ảnh là 400.000 đồng. Ngoài ra, L còn được Q thuê chụp ảnh khỏa thân cho 04 người con gái khác (L không biết nhân thân lai lịch) tại khách sạn B. Sau khi chụp ảnh, L chỉnh sửa ảnh rồi gửi cho Q qua Messenger và copy ảnh vào USB đưa cho Q. L khai không biết việc Q thuê L chụp ảnh khỏa thân cho gái bán dâm để Q đưa hình ảnh đó lên mạng Internet với mục đích môi giới mại dâm. Tổng số tiền L thu được từ việc chụp ảnh nêu trên là 1.800.000 đồng. Tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định L đồng phạm với Q về tội Môi giới mại dâm. Cơ quan điều tra tách rút tài liệu liên quan đến hành vi của Phạm Văn L để tiếp tục điều tra xử lý sau.

Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch 04 gái mại dâm nêu trên nên chưa đủ căn cứ xử lý bị cáo Q về hành vi môi giới đối với 04 gái mại dâm theo lời khai của Q và đối tượng L.

Cơ quan Công an đã lập biên bản tạm giữ vật chứng của các đối tượng mua bán dâm, môi giới mại dâm cụ thể: Thu giữ của Q: 01 máy điện thoại di động Iphone 6, lắp sim 0166 762 5xxx; 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ lắp sim 0967 689 xxx; 01 điện thoại di động Nokia màu đen, lắp sim 0908 93xxx2; 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba; 01 tấm bảng ghi địa chỉ nhà nghỉ H và khách sạn B. Thu giữ của Y 01 điện thoại di động Iphone 6, lắp sim 098 664 5xxx. Thu giữ của D 01 điện thoại di động Iphone 5, lắp sim 0971 92 7xxx; 01 điện thoại di động Nokia 1202 lắp sim 0962723xxx. Thu giữ của T 01 điện thoại di động Iphone 5, lắp sim 0169 909 8xxx. Thu giữ của B 01 điện thoại di động Iphone 6 màu đen xám, lắp sim 0973 545 xxx. Thu giữ của L 01 điện thoại di động Nokia lắp sim 0168 627 7xxx; 01 bao cao su đã qua sử dụng. Thu giữ của L 01 máy ảnh Canon D30, 01 điện thoại di động Oppo.

Quá trình điều tra, kiểm tra điện thoại xác định giữa Q, D Y có nội dung tin nhắn trao đổi liên quan đến hành vi môi giới mại dâm.

Kiểm tra thu giữ trên trang Web “C” có tập tài liệu đăng hình ảnh gái khỏa thân, bài viết quảng cáo cho T đi bán dâm, là vật chứng vụ án.

Qua xác minh, toàn bộ số điện thoại thu giữ của các đối tượng mua bán dâm và môi giới mại dâm đều sử dụng vào việc phạm tội.

Công an quận Cầu Giấy, Hà Nội đó ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Nguyễn Đình B, anh Nguyễn Hoàng L có hành vi “Mua dâm”, theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

Đối với Nguyễn Thị Lệ T có hành vi bán dâm, Công an quận Cầu Giấy ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Bán dâm”, theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

Đối với anh Đặng Văn N là quản lý nhà nghỉ H có hành vi “Không thực hiện việc thông báo lưu trú với cơ quan công an theo quy định khi có người đến lưu trú”, Công an quận Cầu Giấy ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 18/12/2018 theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013.

Tại bản cáo trạng số 16/CT- VKS ngày 30/01/2018 Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy đã truy tố Nguyễn Quốc Q, Trần Văn D, Thái Thị Y về tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015.

Các ý kiến tại phiên tòa:

Bị cáo Q khai nhận hành vi môi giới cho Nguyễn Thị Lệ T bán dâm nhiều lần trong thời gian từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2017 thu lời được 10.000.000 đồng.

Bị cáo D khai nhận hành vi giúp bị cáo Q tạo 02 tài khoản trên trang Web “C” với nội dung quảng cáo cho Nguyễn Thị Lệ T bán dâm.

Bị cáo Y khai nhận trong 02 ngày 21 và 22/6/2017 đã nhiều lần giúp Q nghe điện thoại hướng dẫn khách đến nhà nghỉ H nhưng không biết nội dung cuộc là môi giới giữa khách mua dâm và gái bán dâm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội : giữ nguyên cáo trạng, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi cũng như nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51 (áp dụng đối với bị cáo D và Q), Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Nguyễn Quốc Q từ 42 đến 48 tháng tù; xử phạt Trần Văn D và Thái Thị Y từ 36 đến 42 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Miễn phạt tiền cho các bị cáo.

Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đỏ; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đen; 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia 1202 màu xanh; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 5 màu trắng vàng; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màn hình màu trắng; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia 1280 màu đen. Tịch thu tiêu hủy tang vật vụ án không còn giá trị sử dụng gồm: 01 báo cáo su đã qua sử dụng; 01 tấm bảng ghi địa chỉ nhà nghỉ Ho và Khách sạn B.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Q phải truy nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính là 10.000.000 đồng. Bị cáo Trần Văn D truy nộp số tiền 4.000.000 đồng thu lời bất chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, với lời khai người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ đầy đủ cơ sở kết luận :

Ngày 08/2/2017, Nguyễn Quốc Q thuê thợ chụp ảnh Phạm Văn L chụp ảnh khỏa thân cho gái bán dâm Nguyễn Thị Lệ T. Trần Văn D giúp Q chỉnh sửa ảnh của T, tạo 02 tài khoản “N” mật khẩu “1110” và “C” mật khẩu “1110” trên trang web “C” dùng nghệ danh cho T là “V”, giá bán dâm là 300.000 đồng, số điện thoại liên hệ là 0967689xxx (số máy này do Q trực tiếp quản lý). Khi có khách mua dâm liên hệ thì Q điều hành, thỏa thuận giá và hướng dẫn khách mua dâm đến nhà nghỉ H, địa chỉ: số 2, ngõ 118, phố T, phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội hoặc khách sạn B, địa chỉ số 9, ngõ 118, phố T, phường Q, quận C, Thành phố Hà Nội thuê phòng, sau đó sẽ nhắn tin số phòng để Q liên hệ gọi T đến bán dâm. Q và T thỏa thuận T sẽ nhận tiền từ khách mua dâm và cuối ngày thông báo số lượng khách, tổng số tiền thu được, chuyển lại cho Q một nửa số tiền công môi giới. Ngày 21/6/2017 và ngày 22/6/2017, Nguyễn Quốc Q đã làm trung gian, dẫn dắt để gái bán dâm Nguyễn Thị Lệ T thực hiện việc bán dâm cho anh Nguyễn Đình B tại nhà nghỉ H thì bị phát hiện.

Trần Văn D giúp Q chỉnh ảnh, viết nội dung quảng cáo mời chào khách mua dâm và được Q trả tiền công là 1.500.000 đồng.

Thái Thị Y tại phiên tòa không khai nhận hành vi phạm tội mà chỉ thừa nhận trong 02 ngày 21 và 22/6/2017 đã nhiều lần giúp Q nghe điện thoại hướng dẫn khách đến nhà nghỉ H nhưng không biết nội dung cuộc gọi là môi giới giữa khách mua dâm và gái bán dâm. Bị cáo Q khai Y biết Q môi giới mại dâm và đã giúp Q nghe điện thoại, hướng dẫn khách mua dâm đến nhà nghỉ H theo sự chỉ dẫn của Q. Lời khai của bị cáo Q phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Y tại cơ quan điều tra.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận định hành vi của Nguyễn Quốc Q, Trần Văn D và Thái Thị Y đã phạm tội “Môi giới mại dâm”. Về Bộ luật áp dụng, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 bị cáo đối với hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Quốc Q, Trần Văn D và Thái Thị Y. Do đó có đủ cơ sở để kết luận Nguyễn Quốc Q, Trần Văn D và Thái Thị Y đã phạm vào tội tội "Môi giới mại dâm" theo điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Các tình tiết trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng đã được Luật hình sự Nhà nước ta bảo vệ. Gây nổi bất bình và lo lắng trong nhân dân. Tính chất hành vi phạm tội thể hiện: Các bị cáo là một người đã trưởng thành có nhận thức được đầy đủ nhưng vì hám lợi đã thực hiện hành vi môi giới giữa khách mua dâm và gái bán dâm để thu tiền công. Mại dâm

làm bằng hoại đạo đức xã hội cũng như là tác nhân làm lây truyền căn bệnh HIV cũng như các bệnh xã hội khác. Hành vi của các bị cáo đã tiếp tay cho tệ nạn mại dâm mà hiện nay cả xã hội đang nên án và tìm cách bài trừ khỏi xã hội.

Các bị cáo phạm tội có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Xét vai trò, bị cáo Nguyễn Quốc Q là người chủ mưu, khởi xướng, trực tiếp nhận điện thoại của khách mua dâm và liên lạc với gái bán dâm đi khách sạn. Bị cáo được hưởng lợi một nửa số tiền bán dâm của gái mại dâm. Bên cạnh đó nhân thân bị cáo có 01 tiền án tuy được miễn trách nhiệm hình sự đương nhiên được xóa án tích nhưng cũng xác định bị cáo đã được giáo dục pháp luật nhưng không lấy làm bài học lại có hành vi phạm tội. Bị cáo Trần Văn D giúp Q chỉnh ảnh, viết nội dung quảng cáo gái bán dâm mời chào khách mua dâm và được bị cáo Q trả tiền công. Bị cáo Thái Thị Y nghe điện thoại, hướng dẫn khách mua dâm đến nhà nghỉ H theo sự chỉ dẫn của Q. Do đó bị cáo Trần Văn D và Thái Thị Y phạm tội đồng phạm với vai trò giúp sức. Phân hóa tội phạm, Hội đồng xét xử xác định hình phạt của bị cáo Q sẽ phải áp dụng mức cao hơn so với hai bị cáo D và bị cáo Y.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét bị cáo Q, bị cáo D có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Nhân thân bị cáo D, bị cáo Y chưa có tiền án, tiền sự lần đầu phạm tội. Đây là những tình tiết để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với 03 bị cáo theo Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét tính chất hành vi phạm tội thấy cần thiết phải xử phạt và áp dụng một mức hình phạt tù giam nghiêm khắc. Cách ly cả 03 bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung. Cả 03 bị cáo không nghề nghiệp ổn định nên miễn phạt tiền cho các bị cáo.

[3] Đối với đối tượng Phạm Văn L, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định L đồng phạm với Q về tội Môi giới mại dâm. Cơ quan điều tra tách rút tài liệu liên quan đến hành vi của Phạm Văn L để tiếp tục điều tra xử lý. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với khách mua dâm, Công an quận C, Hà Nội đó ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh Nguyễn Đình B, anh Nguyễn Hoàng L về hành vi “Mua dâm” theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với đối tượng bán dâm, Công an quận Cầu Giấy ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Thị Lệ T về hành vi “Bán dâm”, theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

Đối với anh Đặng Văn N là quản lý nhà nghỉ H có hành vi “Không thực hiện việc thông báo lưu trú với cơ quan công an theo quy định khi có người đến lưu trú”, Công an quận C ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 18/12/2018 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 8 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Xử lý tang vật vụ án và án phí:

Tịch thu sung quỹ: 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màn hình màu trắng, dán sau lưng màu đỏ, bên trong có sim số 0166.762.5xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đỏ, bên trong có sim số 0967.689.xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đen, bên trong có sim 0908.932.xxx; 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng, bên trong có sim số 097.1924.xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia 1202 màu xanh, bên trong có sim 0962.723.xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 5 màu trắng vàng, bên trong có sim số 0169. 909. 8xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màn hình màu trắng, bên trong có sim số 097.192.7xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia 1280 màu đen, bên trong có sim số 0168.277.xxx; Tịch thu tiêu hủy tang vật vụ án không còn giá trị sử dụng gồm: 01 báo cáo su đã qua sử dụng; 01 tấm bảng ghi địa chỉ nhà nghỉ H và Khách sạn B.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Q phải truy nộp lại số tiền hưởng lợi bất chính là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Bị cáo Trần Văn D truy nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) thu lời bất chính.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 328, Điều 101, Điều 46, Điều 47, Điều 48, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc Q 38 (ba mươi tám) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

2. Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 328, Điều 101, Điều 46, Điều 47, Điều 48, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn D 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/6/2017 đến ngày 26/6/2017.

3. Căn cứ vào: Điểm d khoản 2 Điều 328, Điều 101, Điều 46, Điều 47, Điều 48, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo Thái Thị Y 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Thời hạn tù tính từ bắt thi hành án.

4. Căn cứ vào: Điều 106, Điều 99, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc Q phải truy nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Văn D phải truy nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màn hình màu trắng, dán sau lưng màu đỏ, bên trong có sim số 0166.762.5xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đỏ, bên trong có sim số 0967.689.xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia màu đen, bên trong có sim 0908.932.xxx; 01 máy tính xách tay hiệu Toshiba; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màu vàng, bên trong có sim số 097.1924.xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia 1202 màu xanh, bên trong có sim 0962.723.xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 5 màu trắng vàng, bên trong có sim số 0169. 909. 8xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 màn hình màu trắng, bên trong có sim số 097.192.7xxx; 01 điện thoại di động kiểu dáng Nokia 1280 màu đen, bên trong có sim số 0168.277.xxx; Tịch thu tiêu hủy tang vật vụ án không còn giá trị sử dụng gồm: 01 báo cao su đã qua sử dụng; 01 tấm bảng ghi địa chỉ nhà nghỉ H và Khách sạn B. Số tang vật trên hiện lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận C theo biên bản giao nhận vật chứng số 72 GN/THA-CA ngày 29/1/2018.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

1. VKSND quận Cầu Giấy;
2. TAND Tp Hà Nội;
3. VKSND Tp Hà Nội;
4. Bị cáo, người liên quan;
5. Công an quận Cầu Giấy;
6. Chi cục THA DS quận Cầu Giấy;
7. UBND phường N, quận C, TP HN;
8. UBND xã L, huyện M, Hải Dương;
9. UBND xã P, huyện S, tỉnh Nghệ An;
10. Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Thảo

